

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-PT
Ngày 05 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 1

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Hà Minh Phương;

Các Thẩm phán: 4// Trương Đức Thuận;

3// Bùi Hiếu Đức.

Thư ký phiên tòa: 3/ Phùng Văn Hoàng, Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 1.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 tham gia phiên tòa: 1// Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 1, Tòa án quân sự Quân khu 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 04/2021/TLPT-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Đỗ Danh T do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Danh T và kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại Lê Quý D, ông Lê Như L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án quân sự khu vực, Quân khu 1.

Bị cáo có kháng cáo: Đỗ Danh T; sinh ngày 09/6/1984; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Danh P, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đến nay; có mặt.

Bị hại:

1. Lê Quý D; sinh ngày 12/01/1981; nơi sinh: Xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; cấp bậc: 3/CN; chức vụ: Thợ sửa chữa ô tô; đơn vị: Phân kho A, kho K.B, Cục K, Quân khu 1 (chết ngày 07/3/2021).

2. Nguyễn Thị Bích N; sinh ngày 13/9/1982; nơi cư trú: Khu Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân (chết ngày 08/3/2021).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D: Ông Lê Như L; sinh ngày 04/3/1946; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (là bố đẻ người bị hại Lê Quý D); có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Bích N: Bà Trần Thị A1; sinh ngày 01/01/1954; nghề nghiệp: Làm ruộng; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (là mẹ đẻ bị hại Nguyễn Thị Bích N); có mặt.

Bị đơn dân sự: Ông Nguyễn Sĩ H; sinh ngày 16/02/1968; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Khu phố X, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 07 tháng 3 năm 2021, Đỗ Danh T, điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 99C-0MM.63 của ông Nguyễn Sĩ H theo hợp đồng lao động ký kết ngày 01 tháng 6 năm 2020, lưu thông trên Quốc lộ 37 theo hướng thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang đi thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Khi đi đến Km 77 + 200 nơi giao nhau giữa đường Quốc lộ 37 với đường tỉnh lộ 298B thuộc địa phận thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, T giảm tốc độ điều khiển xe chuyển hướng rẽ trái vào đường tỉnh lộ 298B nhưng không bật đèn tín hiệu báo hướng rẽ (không bật đèn xi nhan bên trái), không nhường quyền đi trước cho xe đi ngược chiều, chuyển hướng khi chưa bảo đảm an toàn nên khi đi sang phần đường của xe ngược chiều thì phần đầu bên phải xe ô tô do T điều khiển đã va chạm với phần đầu xe mô tô Biển số đăng ký 98K1-0LL.12 do Lê Quý D điều khiển chở vợ là Nguyễn Thị Bích N ngồi phía sau, đang đi trên phần đường theo chiều ngược lại. Tai nạn xảy ra làm Lê Quý D tử vong tại chỗ, Nguyễn Thị Bích N được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện V, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang, Bệnh viện Việt Đức Hà Nội đến ngày 08 tháng 3 năm 2021 thì tử vong; xe mô tô hư hỏng thiệt hại 2.940.000 đồng, xe ô tô hư hỏng thiệt hại 400.000 đồng.

Kết luận giám định số 551/KL-KTHS và số 552/KL-KTHS ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang xác định: Nguyên nhân chết của Lê Quý D do chấn thương sọ não, chấn thương hàm mặt, chấn thương ngực kín do tai nạn giao thông. Nguyên nhân chết của Nguyễn Thị Bích N do đa chấn thương sọ não, chấn thương ngực kín, gãy kín phức tạp xương cánh tay phải do tai nạn giao thông.

Phiếu xét nghiệm hóa sinh máu do Trung tâm y tế huyện V, tỉnh Bắc Giang lập hồi 23 giờ 13 phút ngày 07/3/2021 xác định: Định lượng Ethanol trong máu của Lê Quý D là 194,4 mg/dl.

Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm bị cáo Đỗ Danh T và bị đơn dân sự Nguyễn Sĩ H đã thỏa thuận và bồi thường xong về thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D và Nguyễn Thị Bích N với tổng số tiền 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án quân sự khu vực, Quân khu 1 đã quyết định:

- Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Đỗ Danh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự (BLHS) xử phạt bị cáo Đỗ Danh T 03 (ba) năm, 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn ghi nhận bị cáo Đỗ Danh T và bị đơn dân sự Nguyễn Sĩ H đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong về thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D và Nguyễn Thị Bích N với tổng số tiền 470.000.000 đồng; quyết định về xử lý vật chứng; quyết định về án phí; quyền kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại; bị đơn dân sự.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, bị cáo Đỗ Danh T kháng cáo phần hình sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án quân sự khu vực, Quân khu 1 xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho hai bên gia đình bị hại, bản thân chưa có tiền án, nhân thân tốt, là quân nhân dự bị thuộc Trung đội V, Đại đội P, Tiểu đoàn F, Lữ đoàn 229, cấp bậc Thượng úy; ngày 24 tháng 12 năm 2021, bị cáo Đỗ Danh T bổ sung đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và nội dung bổ sung kháng cáo.

Ngày 31 tháng 10 năm 2021, người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D: Ông Lê Như L có đơn kháng cáo đối với phần hình sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án quân sự khu vực, Quân khu 1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đỗ Danh T với lý do: Bản thân bị cáo Đỗ Danh T đã chấp hành ngoan, đã bồi thường cho hai cháu chu đáo do được thỏa thuận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Như L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Đỗ Danh T khai nhận: Bị cáo lái xe thuê cho anh Nguyễn Sĩ H theo hợp đồng với thời hạn 01 năm từ ngày 01/6/2020 đến ngày 01/6/2021 với mức lương 10.000.000 đồng/tháng, công việc cụ thể do anh H phân công. Ngày 07 tháng 3 năm 2021 sau khi giao hàng xong, bị cáo một mình lái xe ô tô Biển số 99C-053.63 lưu thông trên đường Quốc lộ 37 theo hướng thị trấn B đi thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang để về nhà. Đến khoảng 18 giờ 40 phút, khi đi đến nơi giao nhau giữa Quốc lộ 37 với đường tỉnh lộ 298B thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang bị cáo giảm tốc độ, điều khiển xe ô tô chuyển hướng rẽ trái vào đường tỉnh lộ 298B nhưng không bật đèn xi nhan báo rẽ trái. Khi đầu xe ô tô đi sang phần đường của xe đi ngược chiều khoảng hơn 1m, bị cáo thấy một xe mô tô có hai người đi trên đường theo hướng ngược lại sau này mới biết là anh D và chị N, khi cách xe ô tô của bị cáo khoảng 05m đến 10m thì xe mô tô đi

loạng choạng, bị cáo cho xe đi chậm lại thì nghe thấy tiếng va chạm vào bánh xe ô tô bên phải phía trước. Bị cáo phanh xe dừng lại, kéo phanh tay, bật đèn xi nhan bên trái rồi đi xuống. Khi xuống, bị cáo thấy xe mô tô bị đổ nghiêng cách bên phải xe ô tô khoảng 1,5m, chị N vẫn còn cử động, anh D nằm bất động dưới gầm xe. Thấy vậy bị cáo cùng người dân đưa chị N đi cấp cứu. Khi xảy ra tai nạn, bị cáo có giấy phép lái xe hạng C đã hết hạn sử dụng từ ngày 29/12/2020 nhưng do bị cáo quên nên chưa làm thủ tục xin cấp lại, sau khi tai nạn xảy ra bị cáo mới làm thủ tục cấp đổi lại giấy phép lái xe. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo và anh Nguyễn Sĩ H đã đến thăm hỏi và thỏa thuận bồi thường cho gia đình anh D và gia đình chị N tổng số tiền là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng, trong đó của bị cáo 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng, của anh H 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D là ông Lê Như L có ý kiến: Bị cáo Đỗ Danh T còn trẻ, ngoan, chấp hành tốt các quy định, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho hai cháu và gia đình hai bên do vậy để tạo điều kiện giúp đỡ bị cáo phấn đấu xây dựng cuộc sống, trở thành công dân tốt tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa, sau khi phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Tòa án quân sự Khu vực, Quân khu 1 xét xử bị cáo Đỗ Danh T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo 03 năm, 09 tháng tù là đã xem xét toàn diện, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, xử phạt ở mức thấp của khung hình phạt đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Tại phiên tòa cũng như trong nội dung kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của ông Lê Như L xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho hai bên gia đình bị hại, bản thân chưa có tiền án, nhân thân tốt. Những tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét; về lý do xin được hưởng án treo, mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo không thuộc trường hợp đủ điều kiện để cho hưởng án treo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án quân sự Khu vực, Quân khu 1.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo nhất trí về tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã áp dụng đối với bị cáo; không đưa ra được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác, hoặc tình tiết mới theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cho rằng hình phạt 03 năm, 09 tháng tù giam đối với bị cáo như vậy là nặng vì bị cáo đã thật thà khai báo, tích cực bồi thường khắc phục hậu

quả, không có tiền án, tiền sự, không bị xử lý kỷ luật lần nào, là quân nhân dự bị thuộc Trung đội V, Đại đội P, Tiểu đoàn F, Lữ đoàn 229 luôn chấp hành tốt các quy định do vậy mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân tốt.

Đại diện diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D, ông Lê Như L ngoài những nội dung trong đơn kháng cáo cũng không đưa ra thêm được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào, hoặc tình tiết mới theo quy định của pháp luật để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, chỉ có ý kiến đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình vi phạm pháp luật gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông, bị cáo đã bồi thường cho hai bên gia đình bị hại, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo sớm trở thành công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Đỗ Danh T và kháng cáo của ông Lê Như L nộp trong thời hạn quy định của pháp luật là hợp lệ, được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung đã kháng cáo và nội dung bổ sung kháng cáo ngày 24 tháng 12 năm 2021. Ông Lê Như L giữ nguyên nội dung kháng cáo không thay đổi hay bổ sung đối với kháng cáo.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với diễn biến nội dung vụ án và phù hợp với toàn bộ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 07 tháng 3 năm 2021, Đỗ Danh T là lái xe thuê cho ông Nguyễn Sĩ Hiền, điều khiển xe ô tô Biển số đăng ký 99C-0MM.63 lưu thông trên Quốc lộ 37 theo hướng thị trấn B, huyện V đi thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Khi đi đến Km 77 + 200 nơi giao nhau giữa đường Quốc lộ 37 với đường tỉnh lộ 298B thuộc địa phận xóm X, thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, T điều khiển xe chuyển hướng rẽ trái vào đường tỉnh lộ 298B nhưng không bật đèn tín hiệu báo hướng rẽ, không nhường đường cho xe đi ngược chiều, cho xe chuyển hướng khi không bảo đảm an toàn cho phương tiện khác theo quy định của pháp luật, nên xe ô tô do T điều khiển đã va chạm với xe mô tô Biển số đăng ký 98K1-0LL.12 do Lê Quý D điều khiển, chở vợ là Nguyễn Thị Bích N ngồi phía sau đang đi đúng phần đường của mình theo chiều ngược lại. Tai nạn xảy ra làm Lê Quý D tử vong tại chỗ, Nguyễn Thị Bích N được đưa đi cấp cứu đến ngày 08/3/2021 thì tử vong, xe mô tô hư hỏng giá trị thiệt hại là 2.940.000 đồng, xe ô tô hư hỏng giá trị thiệt hại là 400.000 đồng.

Hành vi điều khiển xe ô tô gây tai nạn khi giấy phép lái xe hạng C của Đỗ Danh T đã hết giá trị sử dụng, vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8; khi chuyển hướng xe không bật đèn tín hiệu báo hướng rẽ, không nhường đường cho xe đi

ngược chiều, không bảo đảm an toàn cho phương tiện khác của bị cáo Đỗ Danh T đã vi phạm vào khoản 1, khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn làm Lê Quý D và Nguyễn Thị Bích N tử vong. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, đ khoản 2 Điều 260 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D, ông Lê Như L:

- Đối với kháng cáo của Bị cáo Đỗ Danh T: Về lý do kháng cáo, bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra giải quyết vụ án đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho hai bên gia đình bị hại; bản thân chưa có tiền án, nhân thân tốt; là quân nhân dự bị thuộc Trung đội V, Đại đội P, Tiểu đoàn F, Lữ đoàn 229, cấp bậc Thượng úy do đó kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo còn được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; tình tiết "Người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo" quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Trên cơ sở những tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt ở mức thấp của khung hình phạt áp dụng, xử phạt bị cáo 03 năm, 09 tháng tù là đã xem xét toàn diện vụ án, khoan hồng giảm nhẹ đáng kể cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của ông Lê Như L, là đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D: Về lý do kháng cáo, ông L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo ngoan, đã bồi thường cho 02 cháu (bị hại D, N) chu đáo theo thỏa thuận. Tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên đã áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D ông Lê Như L không đưa ra được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác hoặc tình tiết mới theo quy định của pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng cáo của ông Lê Như L. Mức hình phạt đối với bị cáo mà Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên không thỏa mãn điều kiện để xem xét cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của ông Lê Như L, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm là có căn cứ; đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và đề nghị của đại diện hợp pháp bị hại Lê Quý D, ông Lê Như L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đỗ Danh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố Tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 260; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Danh T và kháng cáo của ông Lê Như L đại diện hợp pháp của bị hại Lê Quý D, giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án quân sự Khu vực, Quân khu 1 đã tuyên đối với bị cáo Đỗ Danh T.

Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Danh T 03 (ba) năm, 09 (chín) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, bị cáo Đỗ Danh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- VKSQS Trung ương;
- VKSQS Quân khu 1;
- VKSQS Khu vực 11;
- Cơ quan THAHS Quân khu 1;
- Phòng THA Quân khu 1;
- Cơ quan ĐTHS Khu vực 4-Quân khu 1;
- TAQS Khu vực, Quân khu 1;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Hồ sơ THA Tòa án quân sự Quân khu 1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án. P14b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thượng tá Hà Minh Phương